

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 8 - 2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh Thu;

2. Bà Trần Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Kim T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Số 15, tổ 01, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hung Chih H, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Số 262 lộ H, khu L, thành phố V, Đài Loan (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng đề ngày 15/7/2019, nguyên đơn chị Phan Thị Kim T (sau đây gọi tắt là chị T) trình bày:

Chị và anh Hung Chih H (Quốc tịch Đài Loan) xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang theo số vào sổ đăng ký kết hôn số 150, quyển số 01, ngày 28/3/2004. Sau khi kết hôn, chị và anh Hung Chih H sống chung với nhau tại Đài Loan được khoảng 01 năm thì giữa chị và anh Hung Chih H có mâu thuẫn với mẹ của anh Hung Chih H. Sau đó, anh Hung Chih H đã mua vé máy bay cho chị về Việt Nam và hứa sẽ liên lạc với chị sau.

Từ khi về Việt Nam đến nay, chị có liên lạc với anh Hung Chih H nhưng không liên lạc được và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hung Chih H vì chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Hung Chih H.

Về con chung: Không có; về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị T có đơn đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với bị đơn anh Hung Chih H cư trú tại Đài Loan theo Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự số: 57/UTTPDS-TA1 ngày 07/8/2019, cụ thể: Gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, Lịch làm việc của Tòa án. Bộ Tư pháp đã gửi Văn bản ủy thác tư pháp đến Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan, tuy nhiên, Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên do địa chỉ của anh Hung Chih H không chính xác. Sau đó, Tòa án yêu cầu nguyên đơn chị T cung cấp địa chỉ cư trú mới của anh Hung Chih H. Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp lại đối với bị đơn anh Hung Chih H cư trú tại Đài Loan theo Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự số: 06/UTTPDS-TA2 ngày 11/3/2020, cụ thể: Gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, Lịch làm việc của Tòa án. Bộ Tư pháp đã gửi Văn bản ủy thác tư pháp đến Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan, Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 18/6/2020 bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an nhưng anh Hung Chih H không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đề nghị xin vắng mặt phiên tòa; bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị T cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang, Việt Nam; anh Hung Chih H cư trú tại Đài Loan. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 40 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Vụ án không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[1.3] Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Hung Chih H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như anh Hung Chih H từ bỏ quyền tham gia phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Hung Chih H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh Hung Chih H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ngày 28/3/2004 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Hung Chih H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Từ ngày chị T nộp đơn khởi kiện ly hôn đến ngày mở phiên tòa, anh Hung Chih H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Điều đó đã thể hiện ý chí của anh Hung Chih H không còn tình cảm vợ chồng với chị T, không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh Hung Chih H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh Hung Chih H là có căn cứ đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T ly hôn với anh Hung Chih H.

[2.2] Về quan hệ con chung, về tài sản chung và nợ chung: Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hung Chih H. Anh Hung Chih H không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không đối chất được lời khai của anh Hung Chih H về quan hệ con chung, về quan hệ tài sản chung và nợ chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết về quan hệ con chung, về tài sản chung và nợ chung giữa chị T và anh Hung Chih H.

[3] Về chi phí tố tụng: Chị T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Kim T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Kim T được ly hôn với anh Hung Chih H.

2. Về quan hệ con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Phan Thị Kim T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0002532 ngày 12/8/2019 và Biên lai thu tiền số: 0004331 ngày 11/3/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005171 ngày 30/7/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Phan Thị Kim T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

- Anh Hung Chih H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- UBND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV – THA;
- Tòa Gia đình và Người chưa thành niên;
- Văn phòng;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ